

Số: 01/2022/QĐST-KDTM

Cẩm Phả, ngày 14 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 275, 280, 293, 299, 320, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết án phí số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Địa chỉ trụ sở: số N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền lại: bà Trần Thị Anh Đ – chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng T – Chi nhánh Quảng Ninh (theo giấy ủy quyền số 15/2020/GUQ-CNQN ngày 29/12/2020).

- Bị đơn: Công ty TNHH T;

Địa chỉ: tổ B, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Cao Xuân H – Sinh năm: xxxx; Chức vụ: giám đốc Công ty.

Nơi cư trú: tổ B, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: + ông Cao Xuân H – sinh năm: xxxx và bà Lê Thanh H – sinh năm: xxxx;

Nơi cư trú: tổ B, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

+ ông Cao Xuân M – sinh năm: xxxx;

Nơi cư trú: tổ T, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 06/01/2022, Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là: 7.793.020.681 đồng (bảy tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi một đồng); trong đó nợ gốc là 6.997.000.0000 đồng (sáu tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 120.367.250 đồng (một trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 665.012.613 đồng (sáu trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn sáu trăm mười ba đồng), nợ lãi phạt là 10.640.818 đồng (Mười triệu sáu trăm bốn mươi nghìn tám trăm mười tám đồng).

Ngân hàng T, Công ty TNHH T, ông Cao Xuân H và bà Lê Thanh H cùng thỏa thuận phương án trả nợ như sau:

Vào ngày 20/3/2022, Công ty TNHH T có trách nhiệm trả một lần toàn bộ số tiền cho Ngân hàng T (tính đến ngày 06/01/2022) là: 7.793.020.681 đồng (Bảy tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày các đương sự hòa giải thành (ngày 06/01/2022) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số LD1818100068 ký 05/7/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số 01 ngày 15/9/2019 giữa Ngân hàng T và Công ty TNHH T.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì ông Cao Xuân H và bà Lê Thanh H đồng ý để Ngân hàng T có quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay và/hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất có diện tích 50,6 m² thuộc tổ H (nay là tổ B, khu T), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC xxxxx, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH xxxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) C cấp ngày xx/x/xxxx mang tên ông Cao Xuân H.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất có diện tích 56,2 m² thuộc tổ H (nay là tổ B, khu T), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC xxxxxx, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH xxxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) C cấp ngày xx/x/xxxx mang tên ông Cao Xuân H.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất có diện tích 75,6 m² thuộc tổ H (nay là tổ B, khu T), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC xxxxxx, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH xxxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) C cấp ngày xx/x/xxxx mang tên ông Cao Xuân H.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất có diện tích 138 m² thuộc tổ H (nay là tổ B, khu T), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC xxxxxx, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH xxxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) C cấp ngày xx/x/xxxx mang tên ông Cao Xuân H.

Tài sản trên đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2021, cụ thể như sau: Trên 01 thửa đất có diện tích 50,6 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 336796, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH xxxxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) C cấp ngày xx/x/xxxx mang tên ông Cao Xuân H và 01 thửa đất có diện tích 56,2 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH xxxxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) C cấp ngày xx/x/xxxx mang tên ông Cao Xuân H có 02 công trình đã xây dựng bao gồm: 01 công trình phụ có diện tích sử dụng 17,8 m² (xây trên phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12,7 m²) và 01 căn nhà 03 tầng có tổng diện tích xây dựng 295 m², trong đó tầng 1 có diện tích sử dụng là 107 m²; tầng 2 và tầng 3 mỗi tầng có diện tích sử dụng là 94 m² (xây trên phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 37 m²) do ông Cao Xuân H xây dựng từ năm 2009. Các công trình này đều nằm trong 01 nhà xưởng, kết cấu mái tôn, khung sắt có diện tích là 832 m² do ông Cao Xuân H xây dựng từ năm 2004.

Căn cứ vào công văn số 7217/UBND-QLĐT ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C:

Các công trình xây dựng nằm trong tổng diện tích 04 thửa đất nói trên: 01 nhà xưởng, khung thép lợp tôn kiên cố với diện tích là 823m²; 01 căn nhà 03 tầng bê tông cốt thép, diện tích xây dựng sàn tầng 1 là 107 m²; 01 nhà phụ diện tích xây dựng 17,8 m², qua kiểm tra rà soát các công trình trên không có giấy phép xây dựng, từ năm 2009 đến năm 2021 không có hồ sơ xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng T thì Công ty TNHH T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

- Về án phí: Công ty TNHH T tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm xxxxxx đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm mười đồng). Trả lại cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là xxxxxxxx đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000xxxx ngày xx/x/xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát NDTP C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh